

CẦN XEM THÊM NGƯỜI ĐÀN ÔNG ĐÓ CÓ CHỈ TIẾN THỦ VÀ KHÁT VỌNG HAY KHÔNG

Yào chénggōng yídìng yào yǒu wàngshèng de qǐtú xīn yǒu
要 成 功 , 一 定 要 有 旺 盛 的 企 图 心 , 有
yī gǔ xiǎngyào chénggōng de yùwàng hé chōngdòng yǒu le
一 股 想 要 成 功 的 欲 望 和 冲 动 , 有 了
qǐtú xīn hé yùwàng jiù yǒu le nǔlì de fāngxiàng hé dònglì
企 图 心 和 欲 望 , 就 有 了 努 力 的 方 向 和 动 力 ,
jiù néng jiāsù chénggōng suǒyǐ kàn yí ge nánrén shì bú shì
就 能 加 速 成 功 , 所 以 , 看 一 个 男 人 是 不 是
qiánlì gǔ nánrén hái yào kàn tā duì zìjǐ de wèilái shì bú
潜 力 股 男 人 , 还 要 看 他 对 自 己 的 未 来 是 不
shì yǒu míngquè de mùbiāo hé qīngxī de jìhuà bǐrú yī nián
是 有 明 确 的 目 标 和 清 晰 的 计 划 , 比 如 一 年
jìhuà liǎng nián jìhuà wǔ nián jìhuà
计 划 , 两 年 计 划 , 五 年 计 划

Để thành công nhất định phải có mưu đồ lớn, lòng khát vọng cũng như sự thôi thúc muốn thành công. Khi có khát vọng và ý muốn thì ắt sẽ xác định được phương hướng và động lực để cố gắng, nhờ đó có thể rút ngắn con đường đến với thành công. Vậy nên khi quan sát một người đàn ông có tiềm năng hay không cần phải quan sát thêm xem anh ta có mục tiêu rõ ràng hay kế hoạch cụ thể cho tương lai hay không, ví dụ như kế hoạch 1 năm, 2 năm hay 5 năm, ...

***Từ mới:**

企图心: Mưu đồ

欲望: Khát vọng

冲动: Thôi thúc

